

Số: **159** / ĐHV-HTSVQHDN
V.v báo cáo kết quả điều tra, khảo sát
sinh viên tốt nghiệp

Nghệ An, ngày **17** tháng 02 năm 2017

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 4806/BGDĐT-GDĐH ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Trường Đại học Vinh đã xây dựng kế hoạch và tiến hành điều tra, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp các năm 2015, 2016 như sau:

1. Mục đích khảo sát

- Nhằm thu nhận thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của Trường Đại học Vinh, giúp Nhà trường có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Kết nối với cựu cựu học sinh, sinh viên, học viên nhằm tranh thủ tối đa sự ủng hộ về trí tuệ, tinh thần, vật chất giúp đỡ HSSV và góp phần phát triển Nhà trường.

2. Nội dung khảo sát

2.1. Khảo sát về việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên theo từng khóa: tỷ lệ sinh viên có việc làm; thời gian có việc làm sau tốt nghiệp; công việc có phù hợp với ngành được đào tạo; các kiến thức, kỹ năng được học có hỗ trợ hiệu quả trong công tác; mức thu nhập bình quân hàng tháng; tương lai nghề nghiệp...

2.2. Điều tra lý do sinh viên tốt nghiệp chậm hoặc không tìm được việc làm; những kiến thức, kỹ năng nào sinh viên cần chuẩn bị trước khi tốt nghiệp; xu hướng nghề nghiệp; ý kiến đóng góp, nâng cao hiệu quả đào tạo của Nhà trường.

2.3. Lập danh bạ, kết nối với cựu cựu học sinh, sinh viên, học viên nhằm tranh thủ tối đa sự ủng hộ về trí tuệ, tinh thần, vật chất giúp đỡ HSSV và góp phần phát triển Nhà trường.

3. Phạm vi khảo sát, mẫu khảo sát

3.1. Đợt khảo sát được thực hiện đối với 2 khóa sinh viên tốt nghiệp thuộc các năm 2015, 2016 (tương đương khóa 51 hệ kỹ sư; khóa 52 các hệ và khóa 53 hệ sư phạm, cử nhân khoa học).

3.2. Mẫu khảo sát: 100% sinh viên tốt nghiệp trong khoảng thời gian từ 01/01/2014 đến 31/12/2016.

3.3. Số lượng khảo sát:

- Tốt nghiệp năm 2015: 4.070 sinh viên tốt nghiệp

- Tốt nghiệp năm 2016: 3.573 sinh viên tốt nghiệp

Tổng cộng: 7.643 sinh viên tốt nghiệp.

4. Hình thức tổ chức

4.1. Việc khảo sát được thực hiện theo các bước:

- Lập ban khảo sát, hộp thư tiếp nhận kết quả, xây dựng phần mềm khảo sát;
- Xây dựng mẫu phiếu điều tra, khảo sát (mẫu phiếu điện tử và phiếu giấy);
- Xác định đối tượng khảo sát và lập danh sách sinh viên tốt nghiệp thuộc các năm cần khảo sát;

- Lấy thông tin địa chỉ (facebook, zalo, email, điện thoại, địa chỉ gia đình) của sinh viên cần khảo sát để gửi phiếu khảo sát.

- Gửi thư khảo sát;

- Tiếp nhận kết quả, tổng hợp, phân tích kết quả thông qua phần mềm.

- Báo cáo, đánh giá kết quả khảo sát và có các kiến nghị, đề xuất.

4.2. Các hình thức khảo sát

- Khảo sát qua mạng internet: Đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu.

- Khảo sát qua gửi thư: Gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát.

- Khảo sát trực tiếp qua phỏng vấn: thực hiện đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp có hộ khẩu tại thành phố Vinh và vùng phụ cận; các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp. Các trường hợp khác có thể lấy qua gọi điện thoại... Thông tin phản hồi được cán bộ nhập vào phần mềm.

5. Thời gian thực hiện

- 15/11 - 29/11/2016: Lấy thông tin sinh viên tốt nghiệp, lập mẫu phiếu, xây dựng phần mềm khảo sát, lấy mẫu khảo sát;

- 01/12/2016 - 09/01/2017: Khảo sát bằng các hình thức;

- 10/01 - 07/02/2017: Tổng hợp kết quả, báo cáo.

6. Kinh phí thực hiện

6.1. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách Nhà nước của Trường Đại học Vinh

6.2. Kinh phí thực hiện gồm:

- Xây dựng phần mềm khảo sát;
- Chi phí gửi thư, gọi điện thoại (đối với các trường hợp không gửi qua mạng internet);
- Bồi dưỡng cho cộng tác viên và cán bộ làm việc thêm ngoài giờ.
- Công tác phí cho cán bộ trực tiếp đến một số địa phương, cơ sở để kiểm tra thực tế.

7. Các đơn vị phối hợp thực hiện việc khảo sát tại Trường Đại học Vinh

7.1. Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp:

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, chương trình, dự toán chi tiết;
- Phối hợp Trung tâm CNTT xây dựng phần mềm khảo sát; chuẩn bị cơ sở vật chất, thông tin, dữ liệu, mẫu phiếu và tổ chức khảo sát theo kế hoạch;
- Tổng hợp, báo cáo kết quả khảo sát;
- Lưu trữ dữ liệu khảo sát.

7.2. Trung tâm Công nghệ thông tin:

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp xây dựng phần mềm khảo sát; Phối hợp xử lý kết quả khảo sát, xuất số liệu theo yêu cầu.

7.3. Phòng Đào tạo:

- Cung cấp danh sách, số liệu sinh viên tốt nghiệp hằng năm phục vụ cho công tác điều tra, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp.

7.4. Các khoa đào tạo trong toàn trường:

- Cung cấp dữ liệu địa chỉ liên hệ của sinh viên tốt nghiệp các năm từ 2015 đến 2016;
- Phối hợp Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp xây dựng group trên mạng xã hội, gửi đường link phiếu điều tra đến các đối tượng khảo sát theo kế hoạch;
- Tiếp nhận kết quả khảo sát và lưu trữ lâu dài, phục vụ cho các hoạt động của Khoa và Nhà trường.

7.5. Phòng Kế hoạch - Tài chính:

- Cấp kinh phí tổ chức chương trình.

7.6. Phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên:

- Truyền thông về chương trình khảo sát sinh viên trong cán bộ, sinh viên;
- Bổ sung tại Nhà Truyền thống khu vực vinh danh cựu sinh viên thành đạt trên các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, quản lý nhà nước, doanh nghiệp, có nhiều đóng góp cho địa phương và cả nước...

7.7. Các đơn vị liên quan khác:

- Phối hợp cung cấp dữ liệu sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên thành đạt nhằm tranh thủ tối đa sự ủng hộ về trí tuệ, tinh thần, vật chất giúp đỡ HSSV và góp phần phát triển Nhà trường.

8. Kết quả khảo sát

8.1. Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2015:

- Số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát: 3.573 sinh viên
- Số lượng sinh viên báo đã có việc làm: 2.278
- Số sinh viên hiện đang tiếp tục học (sau đại học, văn bằng 2): 67
- Số sinh viên chưa có việc làm (hoặc không phản hồi): 728
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm: 79,625%
- Thời gian có việc làm sau khi tốt nghiệp trung bình là: 3,5 tháng
- Khu vực làm việc:
 - + Nhà nước: 990 SVTN (chiếm 35,6 % SVTN có việc làm);
 - + Tư nhân: 1.517 SVTN (chiếm 54,6 % SVTN có việc làm);
 - + Liên doanh nước ngoài: 183 SVTN (chiếm 6,6 % SVTN có việc làm);
 - + Tự tạo việc làm: 88 SVTN (chiếm 3,2 % SVTN có việc làm);
- Ngành có tỷ lệ việc làm cao nhất: Giáo dục Mầm non (100%)
- Ngành có tỷ lệ việc làm thấp nhất: Toán ứng dụng (43,75%)
- Ngành có tỷ lệ sinh viên tự tạo việc làm cao nhất: Kỹ thuật xây dựng Dân dụng và Công nghiệp ($17/223 = 7,6\%$).

8.2. Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2016:

- Số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát: 4.070 sinh viên
- Số lượng sinh viên báo đã có việc làm: 2.961

- Số sinh viên hiện đang tiếp tục học (sau đại học, văn bằng 2): 86
- Số sinh viên chưa có việc làm (hoặc không phản hồi): 1.023
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm: 74,865%
- Thời gian có việc làm sau khi tốt nghiệp trung bình là: 3 tháng
- Khu vực làm việc:
 - + Nhà nước: 886 SVTN (chiếm 29,92 % SVTN có việc làm);
 - + Tư nhân: 1.688 SVTN (chiếm 57,00 % SVTN có việc làm);
 - + Liên doanh nước ngoài: 255 SVTN (chiếm 8,6 % SVTN có việc làm);
 - + Tự tạo việc làm: 88 SVTN (chiếm 2,97 % SVTN có việc làm);
- Ngành có tỷ lệ việc làm cao nhất: Nuôi trồng thủy sản (97,29 %)
- Ngành có tỷ lệ việc làm thấp nhất: Ngữ văn (52,00 %)
- Ngành có tỷ lệ sinh viên tự tạo việc làm cao nhất: Kỹ thuật xây dựng Dân dụng và Công nghiệp ($34/306 = 11,11\%$); Quản trị kinh doanh ($11/113 = 9,7\%$).

Ghi chú: Sinh viên tốt nghiệp năm 2015 có thời gian ra trường lâu hơn sinh viên tốt nghiệp năm 2016 nên tỷ lệ có việc làm cao hơn (2015: 79,625; 2016: 74,865%).

(Số liệu cụ thể kết quả khảo sát có tại 02 phụ lục đính kèm)

9. Giải pháp của Trường Đại học Vinh nhằm hỗ trợ giải quyết việc làm cho sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn nhiều sinh viên chưa có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp hoặc phải làm việc ở những ngành nghề không đúng chuyên môn đào tạo. Chính vì vậy, nhà trường rất quan tâm đến công tác tìm kiếm, giới thiệu việc làm cho sinh viên bằng nhiều giải pháp. Cụ thể là:

9.1. Nhà trường chủ động thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động, quan tâm kết nối sinh viên với các nhà tuyển dụng, thiết lập hệ thống thông tin hai chiều giữa nhà trường với các doanh nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

9.2. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức các diễn đàn tư vấn về tuyển dụng, hội thảo nghề nghiệp, ngày hội việc làm cho sinh viên.

9.3. Phối hợp với các đơn vị tuyển dụng nhằm tổ chức giới thiệu việc làm cho sinh viên. Cập nhật các thông tin về tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp để thông báo cho sinh viên qua các kênh thông tin như: website nhà trường, bảng tin sinh viên, qua facebook, Qua đó, sinh viên có nhu cầu có thể trực tiếp liên hệ và nộp hồ

sơ đến nhà tuyển dụng hoặc trực tiếp nộp hồ sơ về Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp để Trung tâm tập hợp và chuyển đến doanh nghiệp theo yêu cầu.

9.4. Tổ chức các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại trường. Mục đích là nhằm giúp các em rèn luyện, trau dồi kỹ năng và vận dụng các kiến thức đã được học ở nhà trường vào thực tiễn công việc. Đồng thời, giúp sinh viên có thêm thu nhập để trang trải cuộc sống, phục vụ mục đích học tập. Có thêm kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm trước khi ra trường lập nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

9.5. Tổ chức các chương trình thực tập tiềm năng dành cho sinh viên năm thứ 3, thứ 4 thông qua sự phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp nhằm giúp sinh viên có được môi trường thực tập thuận lợi, bổ ích và tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho các em.

9.6. Ký kết các hợp tác chiến lược với các đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động lớn như các khu kinh tế Vũng Áng, Nghi Sơn, các công ty, tập đoàn lớn như CP, FPT, Thông Thuận, Mường Thanh; các ngân hàng thương mại trên địa bàn ...

10. Các kiến nghị, đề xuất về cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm giải quyết việc làm cho sinh viên tốt nghiệp

10.1. Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp, các ngành cần quan tâm nhiều hơn nữa đến công tác khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp. Vì đó chính là cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo và nhu cầu nguồn năng lực của xã hội đối với sản phẩm đào tạo của các nhà trường. Từ đó, Nhà nước có cơ sở để tiến hành điều tiết vĩ mô và ban hành các chính sách phù hợp về giáo dục, đào tạo; nhà trường có sự điều chỉnh kịp thời và phù hợp chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

10.2. Nhà nước cần ban hành quy định về sự phối hợp giữa các bên liên quan trong việc tổ chức khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp như Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung ương Đoàn, ... Đồng thời, cần đề cập đến trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động đối với hoạt động này.

10.3. Cần có sự thống nhất và xây dựng dữ liệu số hóa về việc cập nhật tình hình việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp. Đặc biệt là trong thời gian tới, khi triển khai việc cấp thẻ công dân gắn với mã số định danh cho tất cả mọi người thì việc triển khai hoạt động này sẽ rất thuận lợi và cần được triển khai đầy đủ, nghiêm túc.

Trên đây là báo cáo về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp đại học của Trường Đại học Vinh khảo sát trong năm học 2016-2017 đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2015 và 2016. Mặc dù đã cố gắng để liên hệ toàn bộ sinh viên tốt nghiệp trong

khoảng từ 01/01/2015 đến 31/12/2016 nhưng vẫn còn một số sinh viên không liên hệ được hoặc không gửi kết quả nên kết quả điều tra vẫn chưa sát hoàn toàn với thực tế. Trường Đại học Vinh sẽ tiếp tục khảo sát, đánh giá giai đoạn tiếp theo đối với các sinh viên đã được khảo sát (sau 1 năm ra trường...), khảo sát thêm các khóa khác và xem nội dung khảo sát sinh viên tốt nghiệp hằng năm là một nhiệm vụ bắt buộc nhằm: cung cấp các thông tin có giá trị về khả năng tham gia thị trường lao động của sinh viên tốt nghiệp; đánh giá mức độ phù hợp của các chương trình giảng dạy, các kiến thức, kỹ năng cũng như các tiêu chuẩn về hành vi, thái độ, các phẩm chất khác được trang bị cho sinh viên tốt nghiệp có phù hợp với yêu cầu của người sử dụng lao động hay không và giúp Nhà trường điều chỉnh phương thức, kế hoạch, chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của thế giới việc làm...

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ với đơn vị đầu mối: Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, điện thoại: 0238.37 33 666; di động: 0902.169799, email: duclc@vinhuni.edu.vn (ông Lê Công Đức, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Đảng ủy, Ban Giám hiệu (để b/c);;
- Các đơn vị, đoàn thể toàn trường (để biết);
- Lưu: HCTH, HTSVQHDN



GS.TS. Đinh Xuân Khoa

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NĂM 2015

Người báo cáo: ThS. Lê Công Đức, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp

Điện thoại: 0238.3733666, 02383.855452/356; Di động: 0902.169799; Email: duclc@vinhuni.edu.vn

Đường link website của Trường: <http://www.vinhuni.edu.vn>

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Tổng số SVTN	Chia theo giới		Tình trạng việc làm			Tỷ lệ SVTN có việc làm	Khu vực làm việc			
				Nam	Nữ	Số lượng SVTN có việc làm	Số lượng SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao	Số lượng SVTN chưa có việc làm		Khu vực Nhà nước	Khu vực tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
1	Sư phạm Toán	D140209	51	23	28	41	6	4	92.1569	41	0	0	0
2	Sư phạm Vật lý	D140211	32	17	15	26	4	2	93.75	24	2	0	0
3	Sư phạm Hóa học	D140212	32	14	18	22	5	5	84.375	22	0	0	0
4	Sư phạm Sinh học	D140213	34	11	23	26	2	6	82.3529	25	1	0	0
5	Sư phạm CNTT		5	3	2	4	0	1	80	1	3	0	0
6	Sư phạm Ngữ văn	D140217	70	15	55	49	8	13	81.4286	46	1	2	0
7	Sư phạm Lịch sử	D140218	46	9	37	29	6	11	76.087	25	4	0	0
8	Sư phạm Địa lý	D140219	60	11	49	46	3	11	81.6667	46	0	0	0
9	Sư phạm Tiếng Anh	D140231	47	6	41	40	2	5	89.3617	31	4	4	1
10	Sư phạm GDQP-AN	D140208	26	21	5	22	0	4	84.6154	18	4	0	0
11	Sư phạm GD Tiểu học	D140202	56	17	39	50	2	4	92.8571	46	0	4	0

12	Sư phạm GD Chính trị	D140205	19	3	16	11	1	7	63.1579	10	1	0	0
13	Sư phạm GD Mầm non	D140201	70	0	70	69	1	0	100	61	2	6	0
14	Sư phạm GD Thể chất	D140206	28	16	12	17	2	9	67.8571	17	0	0	0
15	Kế toán	D340301	411	156	255	354	0	57	86.1314	78	221	42	13
16	Tài chính ngân hàng	D340201	259	74	185	166	2	91	64.8649	43	120	3	0
17	Quản trị kinh doanh	D340101	161	61	100	118	3	40	75.1553	34	71	2	11
18	Kinh tế đầu tư	D310101	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
19	Kinh tế nông nghiệp	D620105	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
20	Khoa học môi trường	D440301	169	64	105	136	1	32	81.0651	17	107	5	7
21	Chính trị học	D310201	60	9	51	43	3	14	76.6667	36	7	0	0
22	Lịch sử		18	3	15	9	2	7	61.1111	7	2	0	0
23	Quản lý Văn hóa	D220342	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
24	Việt Nam học	D220113	94	27	67	89	0	5	94.6809	6	72	8	3
25	Quản lý Giáo dục	D140114	38	6	32	24	1	13	65.7895	21	3	0	0
26	Công tác xã hội	D760101	169	18	151	119	0	50	70.4142	47	61	9	2
27	Báo chí	D320101	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
28	Luật	D380101	399	193	206	283	5	111	72.1805	63	187	18	15
29	Luật Kinh tế	D380107	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
30	Ngôn ngữ Anh	D220201	109	32	77	97	0	12	88.9908	6	70	17	4
31	Toán học		15	6	9	8	2	5	66.6667	3	5	0	0
32	Toán ứng dụng		16	4	12	7	0	9	43.75	1	5	0	1
33	Tin học		36	27	9	31	0	5	86.1111	9	18	3	1
34	Hóa học		2	1	1	2	0	0	100	0	2	0	0
35	Sinh học		13	5	8	10	1	2	84.6154	1	7	1	1

36	Ngữ văn		48	5	43	32	2	14	70.8333	8	24	0	0
37	Kỹ thuật Điện - Điện tử	D510301	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
38	Kỹ thuật Điện tử và TĐH	D520216	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
39	Kỹ thuật Điện tử Truyền thông	D520207	89	77	12	73	0	16	82.0225	31	37	3	2
40	Kỹ thuật Xây dựng DD&CN	D580208	260	249	11	223	3	34	86.9231	43	162	1	17
41	Kỹ thuật Xây dựng CTGT	D580205	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
42	Công nghệ thực phẩm	D540101	103	84	19	79	0	24	76.699	8	69	1	1
43	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	D510401	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
44	Công nghệ thông tin	D480201	97	85	12	82	0	15	84.5361	16	44	15	7
45	Nông học	D620109	29	21	8	25	0	4	86.2069	17	5	3	0
46	Nuôi trồng thủy sản	D602301	36	31	5	36	0	0	100	2	4	30	0
47	Khuyến nông	D620102	17	12	5	15	0	2	88.2353	6	9	0	0
48	Quản lý TN và môi trường	D850101	182	93	89	146	0	36	80.2198	31	108	5	2
49	Quản lý Đất đai	D850103	167	87	80	119	0	48	71.2575	43	75	1	0
Tổng cộng			3573	1596	1977	2778	67	728	79.625	990	1517	183	88

Nghe An, ngày 17 tháng 02 năm 2017



GS.TS. Đinh Xuân Khoa

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NĂM 2016

Người báo cáo: ThS. Lê Công Đức, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp

Điện thoại: 0238.3733666, 02383.855452/356; Di động: 0902.169799; Email: duclc@vinhuni.edu.vn

Đường link website của Trường: <http://www.vinhuni.edu.vn>

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Tổng số SVTN	Chia theo giới		Tình trạng việc làm			Tỷ lệ SVTN có việc làm	Khu vực làm việc			
				Nam	Nữ	Số lượng SVTN có việc làm	Số lượng SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao	Số lượng SVTN chưa có việc làm		Khu vực Nhà nước	Khu vực tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
1	Sư phạm Toán	D140209	44	16	28	29	9	6	86.3636	24	2	1	0
2	Sư phạm Vật lý	D140211	51	29	22	34	4	13	74.5098	30	1		0
3	Sư phạm Hóa học	D140212	55	21	34	37	6	12	78.1818	27	4	2	0
4	Sư phạm Sinh học	D140213	77	32	45	49	7	21	72.7273	41	5	0	3
5	Sư phạm CNTT		41	22	19	29	2	10	75.6098	21	6	2	0
6	Sư phạm Ngữ văn	D140217	57	4	53	35	9	13	77.193	32	3		0
7	Sư phạm Lịch sử	D140218	47	7	40	22	6	19	59.5745	22	0	0	0
8	Sư phạm Địa lý	D140219	43	14	29	26	2	15	65.1163	25	1	0	0
9	Sư phạm Tiếng Anh	D140231	46	17	29	38	2	6	86.9565	31	2	5	0
10	Sư phạm GDQP-AN	D140208	29	15	14	23	0	6	79.3103	20	3	0	0
11	Sư phạm GD Tiểu học	D140202	66	17	49	58	2	6	90.9091	49	6	3	0

12	Sư phạm GD Chính trị	D140205	12	4	8	8	0	4	66.6667	8	0	0	0
13	Sư phạm GD Mầm non	D140201	65	65	0	63	0	2	96.9231	54	6	3	0
14	Sư phạm GD Thể chất	D140206	31	22	9	23	0	8	74.1935	22	1	0	0
15	Kế toán	D340301	373	74	299	286	6	81	78.2842	39	226	14	7
16	Tài chính ngân hàng	D340201	229	87	142	153	4	72	68.559	8	136	7	2
17	Quản trị kinh doanh	D340101	160	84	76	113	3	44	72.5	46	49	7	11
18	Kinh tế đầu tư	D310101	102	37	65	64	0	38	62.7451	11	43	3	7
19	Kinh tế nông nghiệp	D620105	14	5	9	10	0	4	71.4286	7	3	0	0
20	Khoa học môi trường	D440301	111	42	69	76	7	28	74.7748	26	39	3	8
21	Chính trị học	D310201	45	18	27	26	3	16	64.4444	25	1	0	0
22	Lịch sử		1	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0
23	Quản lý Văn hóa	D220342	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
24	Việt Nam học	D220113	84	29	55	78	0	6	92.8571	2	55	16	5
25	Quản lý Giáo dục	D140114	52	18	34	31	3	18	65.3846	26	5	0	0
26	Công tác xã hội	D760101	132	29	103	92	0	40	69.697	32	49	7	4
27	Báo chí	D320101	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
28	Luật	D380101	701	321	380	508	5	188	73.1812	86	325	87	10
29	Luật Kinh tế	D380107	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
30	Ngôn ngữ Anh	D220201	141	32	109	117	0	24	82.9787	16	76	23	2
31	Toán học		3	2	1	2	0	1	66.6667	1	1	0	0
32	Toán ứng dụng		5	3	2	3	0	2	60	0	3	0	0
33	Tin học (Khoa học máy tính)		20	15	5	17	0	3	85	4	9	1	3
34	Hóa học		1	1	0	1	0	0	100	0	1	0	0
35	Sinh học		17	9	8	11	1	5	70.5882	3	7	0	1

36	Ngữ văn		25	3	22	13	0	12	52	4	10	0	-1
37	Kỹ thuật Điện - Điện tử	D510301	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
38	Kỹ thuật Điện tử và TĐH	D520216	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
39	Kỹ thuật Điện tử Truyền thông	D520207	53	41	12	37	0	16	69.8113	13	22	2	0
40	Kỹ thuật Xây dựng DD&CN	D580208	364	352	12	306	2	56	84.6154	31	239	2	34
41	Kỹ thuật Xây dựng CTGT	D580205	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
42	Công nghệ thực phẩm	D540101	121	87	34	78	0	43	64.4628	7	59	6	6
43	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	D510401	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0
44	Công nghệ thông tin	D480201	113	76	37	97	0	16	85.8407	8	54	26	9
45	Nông học	D620109	26	17	9	18	3	5	80.7692	11	4	2	1
46	Nuôi trồng thủy sản	D602301	37	24	13	36	0	1	97.2973	2	13	21	0
47	Khuyến nông	D620102	5	2	3	4	0	1	80	1	3	0	0
48	Quản lý TN và môi trường	D850101	305	163	142	203	0	102	66.5574	34	160	7	2
49	Quản lý Đất đai	D850103	166	102	64	107	0	59	64.4578	37	56	5	9
Tổng cộng			4070	1958	2112	2961	86	1023	74.8649	886	1688	255	123

Nghệ An, ngày 17 tháng 02 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Đinh Xuân Khoa